

GIALAI C.T.C
CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Số: 3./-CBTT-CTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Gia Lai, ngày 11 tháng 07 năm 2016

Kính gửi:

- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC
2. Mã chứng khoán : CTC
3. Địa chỉ trụ sở chính : 18 Lê Lai – Thành phố Pleiku – Gia Lai.
4. Điện thoại : 0593824332 - Fax : 0593824259
5. Nội dung của thông tin công bố :

Ngày 11 tháng 07 năm 2016, Công ty cổ phần Gia Lai CTC đã chính thức ký hợp đồng kiểm toán năm 2016 với Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN). Công việc kiểm toán bao gồm:

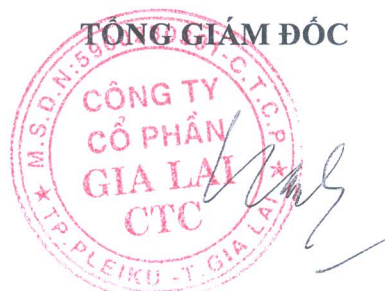
- Soát xét báo cáo tài chính báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016.
- Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016.

Chúng tôi cam kết các công bố thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC



NGUYỄN TRẦN HANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Số: 209/HĐKT

TP.HCM, ngày 11 tháng 07 năm 2016

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

V/v: Kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
của Công ty cổ phần Gia Lai CTC

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ Thông tư Số 65/2015/TT-BTC ngày 08 tháng 05 năm 2015 của Bộ Tài chính
- Căn cứ Chuẩn mực số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

BÊN A : **CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC**
Người đại diện : Ông NGUYỄN TRẦN HANH
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : 18 Lê Lai, Phường Tây Sơn, TP. Pleiku, T. Gia Lai
Điện thoại : (059) 3824332 Fax : (059) 6251335
Mã số thuế : 5900230301
Tài khoản số : 62310000002778
Tại ngân hàng : Ngân hàng Đầu tư Chi nhánh Gia Lai

Và

BÊN B : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT (AASCN)**
Người đại diện : Ông NGUYỄN MINH TIẾN
Chức vụ : Chủ tịch HĐQT
Địa chỉ : 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại : (08) 39103908 Fax : (08) 39104880
Mã số thuế : 0305213884
Tài khoản số : 31268459 (VND)
Tại ngân hàng : TMCP Á Châu – CN Sài Gòn

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A dịch vụ:

- Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực số 2410 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Gia Lai CTC. Công việc soát xét của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính của Bên A.

- Kiểm toán Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2016, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Gia Lai CTC. Cuộc kiểm toán của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến Kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Trách nhiệm của Bên A:

- Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:
 - (a) đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
 - (b) đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
 - (c) đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - (i) quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - (ii) các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - (iii) quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán; bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.
- Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.
- Bên A có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm kê tài sản bao gồm: kiểm kê tiền mặt, kiểm kê hàng tồn kho, kiểm kê tài sản cố định, kiểm kê công cụ dụng cụ tại doanh nghiệp. Việc kiểm kê dựa trên nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan về mặt số liệu và tình trạng của các tài sản.
- Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.
- Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

Trách nhiệm của Bên B:

- Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.
- Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.
- Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.
- Bên B có trách nhiệm quan sát công tác kiểm kê tài sản bao gồm: kiểm kê tiền mặt, kiểm kê hàng tồn kho, kiểm kê tài sản cố định, kiểm kê công cụ dụng cụ tại doanh nghiệp. Việc quan sát kiểm kê tài sản sẽ có sự tham gia của một hoặc nhiều kiểm toán viên được thực hiện cùng với việc kiểm kê tài sản của doanh nghiệp. Các kiểm toán viên sẽ thống nhất báo cáo đánh giá tính hiện hữu của tài sản cũng như tình trạng của các tài sản tại thời điểm kiểm kê. Trong trường hợp có chênh lệch giữa số liệu kiểm kê và sổ sách, Bên B có trách nhiệm ghi nhận ý kiến độc lập về tình trạng trên vào Báo cáo tài chính kiểm toán.
- Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Bên A.
- Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.
- Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO SOÁT XÉT VÀ KIỂM TOÁN

Kết thúc cuộc soát xét và kiểm toán, Bên B cung cấp cho Bên A:

Báo cáo soát xét. Báo cáo soát xét được phát hành tám (08) bộ kèm theo báo cáo tài chính đã được soát xét bằng tiếng Việt. Bên A giữ sáu (06) bộ, Bên B giữ hai (02) bộ.

Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan.

1386
NG T
HIỆM P
TU T
NH K
KIỂM T
M V
P.H.C

230
NG
PH
A L
TC
U-T

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành báo cáo soát xét của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được soát xét, Ban Tổng Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ đính kèm báo cáo soát xét với tài liệu đó và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản

Báo cáo kiểm toán chính thức. Báo cáo kiểm toán được phát hành tám (08) bộ bằng tiếng Việt. Bên A giữ sáu (06) bộ, Bên B giữ hai (02) bộ.

03 bộ Thư quản lý bằng tiếng Việt (nếu có), đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là: 80.000.000 VND (bằng chữ: Tám mươi triệu đồng); Trong đó:
 - Phí dịch vụ chưa bao gồm 10% thuế GTGT;
 - Phương thức thanh toán:
 - Bên A sẽ thanh toán 50% số phí dịch vụ cho Bên B ngay sau khi hợp đồng được ký kết;
 - Số tiền còn lại bên A sẽ thanh toán cho bên B ngay sau khi bên B hoàn thành công tác kiểm toán và bàn giao báo cáo kiểm toán cho bên A.
 - Phí dịch vụ sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B;
 - Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.
- Bên A sẽ thanh toán cho bên B toàn bộ chi phí đi lại, ăn ở của đoàn kiểm toán trực tiếp thực hiện cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2016 cho công ty.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản theo địa chỉ trên đây.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên hoặc khi có thỏa thuận khác của hai bên.

Đại diện Bên A *TH*
Tổng Giám đốc

Nguyễn Trần Hạnh

Đại diện Bên B
Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Minh Tiến